

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 607/2022/DS-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nhất Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tỷ.

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Tiễn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 748/2019/TLST– DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Văn T; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tiến P, sinh năm 1987; (Ông Nguyễn Tiến P có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị D.

Địa chỉ: đường H, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – (Ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngân hàng TMCP P (OCP) với ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng để vay vốn tại OCP chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số 0363/2017/HĐTD-CN ngày 03/11/2017 và Khế ước nhận nợ số 0363/2017-OCP/KUÑN-CN ngày 03/11/2017: Số tiền vay: 600.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay mua ô tô mới; Thời hạn vay: 60 tháng;

Lãi suất vay: 8,5%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày), tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày là 8,618%/năm với công thức quy

đổi là “(8,5%/năm :360 ngày)x 365 ngày” (áp dụng lãi suất theo " 21 năm gắn kết cùng đối tác" hoặc các chương trình ưu đãi lãi suất khác của OCP nếu thuộc đối tượng hoặc các chương trình lãi suất hiện hành của OCP theo từng thời kỳ), áp dụng cho 06 tháng đầu. Từ tháng thứ 07 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi suất như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1)+ biên độ lãi suất (2) trong đó: lãi suất cơ sở (1) bằng (lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCP công bố tại thời điểm tính lãi :360 ngày)x 365 ngày + Biên độ lãi suất (2) (4%/năm :360 ngày)x 365 ngày.

Thay đổi lãi suất: OCP được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của OCP tại từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

Để bảo đảm cho khoản vay ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D đã thế chấp tài sản là xe ô tô hiệu Ford biển số 51B – 314.14, số máy H9P53693DURATORQ4D224L, số khung RL3DLT4MFHKR64394 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số 0363/2017/BĐ ngày 03/11/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0363/2017/HĐTD-CN ngày 03/11/2017 được ký kết giữa OCP với ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D.

Tổng dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 0363/2017/HĐTD-CN ngày 03/11/2017 tính đến ngày 28/09/2022 là 820.376.733 đồng, trong đó nợ gốc: 494.466.982 đồng; nợ lãi : 325.909.751 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Vì vậy, ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với OCP.

Do đó, Ngân hàng TMCP P yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu sau:

Buộc ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D trả ngay cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ của hợp đồng tín dụng số 0363/2017/HĐTD-CN ngày 03/11/2017 tính đến ngày 28/09/2022 là 820.376.733 đồng trong đó: Nợ gốc là 494.466.982 đồng, nợ lãi là 325.909.751 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 29/09/2022 cho đến khi ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P.

Nếu ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho thi hành án đối với ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP P và ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D có nơi cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

[3] Xét thấy thỏa thuận tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 0363/2017/HĐTD-CN ngày 03/11/2017 và Khế ước nhận nợ số 0363/2017-OCP/KUNN-CN ngày 03/11/2017, có cơ sở xác định Ngân hàng TMCP P đã cho ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D vay số tiền 600.000.000 đồng, mục đích vay: vay mua ô tô mới; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất trong hạn: 8,5%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với ngân hàng.

Tính đến ngày 28/9/2022, ông T, bà D còn nợ Ngân hàng các khoản sau: nợ gốc là 494.466.982 đồng, nợ lãi là 325.909.751, tổng cộng là 820.376.733 đồng (Tám trăm hai mươi triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng).

Bị đơn ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, số tiền còn nợ Ngân hàng.

Như vậy, ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó Ngân hàng yêu cầu ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D thanh toán số tiền còn nợ 820.376.733 đồng (Tám trăm hai mươi triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tài sản bảo đảm, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95, Điều 108 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P;

Buộc ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền 820.376.733 đồng (Tám trăm hai mươi triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 36.611.302 (Ba mươi sáu triệu sáu trăm mười một nghìn ba trăm lẻ hai) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.083.700 (Mười ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0064357 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nhất Bình